

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 08-4-2021  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Văn Phích

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Thị Mai Vinh

Ông Trần Đăng Khoa.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:*** Bà Đào Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án thụ lý số 15/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2021 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 63/2021/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Chị Trần Thị Thu H; nơi cư trú ở Việt Nam: Số 39/38 ĐAP, phường LT, quận NQ, thành phố Hải Phòng; địa chỉ ở nước ngoài: S, C, Cộng hòa Séc. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

***- Bị đơn:*** Anh PHV; nơi cư trú cuối cùng ở Việt Nam: Số 20/193, tổ dân phố KS, phường ĐL, quận HA, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: Cộng hòa Liên bang Đức. Vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Trần Thị Thu H trình bày:*

Chị kết hôn với anh PHV trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương và đăng ký kết hôn tại UBND thành phố Hải Phòng vào ngày 05 tháng 5 năm 2008. Quá trình chung sống của vợ chồng hạnh phúc được mấy năm đầu thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp

nhau, thường xuyên xảy ra bất đồng trong cuộc sống. Vợ chồng đã cố gắng hòa hợp song mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Mặc dù mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải song không đạt kết quả. Chị thường xuyên đi lại, sinh sống ở cả Việt Nam và Cộng hòa Séc, còn anh Việt sinh sống ở Cộng hòa liên bang Đức nên vợ chồng không gặp nhau, tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Vợ chồng đã sống ly thân với nhau gần 5 năm nay, không quan tâm đến nhau. Chị chỉ biết anh Việt đi sinh sống, lao động ở Đức còn địa chỉ cụ thể ở đâu thì chị không rõ. Tuy nhiên, anh Việt vẫn liên lạc với người thân trong gia đình anh là ông Phạm Bá Vượng, sinh năm 1959, địa chỉ: Số 20/193, tổ dân phố KS, phường ĐL, quận HA, thành phố Hải Phòng (bố đẻ anh Việt). Nay, chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên chị đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh Việt để chị nhanh chóng ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Phạm Đình P, sinh ngày 23/6/2010 và Phạm Nam P, sinh ngày 30/5/2014. Hiện nay, các cháu đang ở chị. Ly hôn, chị đề nghị được nuôi dưỡng các con chung, việc cấp dưỡng nuôi con chung chị xin tự giải quyết với anh Việt, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị xin tự giải quyết với anh Việt về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Đối với anh PHV:***

Sau khi thụ lý, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý cho bố anh PHV là ông Phạm Bá Vượng. Tòa án đã 2 lần thông báo cho ông Phạm Bá Vượng cung cấp địa chỉ của anh Việt ở Cộng hòa Liên bang Đức và yêu cầu ông Vượng cho biết kết quả về việc ông đã thông báo cho anh Việt để gửi lời khai về Tòa án chưa. Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của ông Phạm Bá Vượng thể hiện: Anh Việt vẫn thường xuyên liên lạc với ông nhưng ông không biết địa chỉ cụ thể anh Việt ở Cộng hòa Liên bang Đức. Ông **đã thông báo cho anh Việt về yêu cầu của Tòa án**. Anh Việt thông tin lại cho ông: Anh Việt đồng ý ly hôn với chị H nhưng anh không thể gửi lời khai về cho Tòa án vì công việc của anh bận, dịch bệnh Covid phức tạp nên điều kiện đi lại khó khăn. Gia đình ông Vượng đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H và anh Việt được ly hôn, để cho chị H được nuôi dưỡng cả hai con chung.

Tại phiên tòa, chị Trần Thị Thu H và anh PHV đều vắng mặt và chị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại đơn đề nghị xin vắng mặt của chị H thể hiện chị vẫn giữ nguyên lời khai như tại đơn khởi kiện, bản tự khai.

***Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng:***

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ, tham gia phiên tòa đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh PHV vắng mặt tại

phiên tòa không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng theo quy định tại **Điều 227 và Điều 228** Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Chị Trần Thị Thu H và anh PHV xây dựng gia đình với nhau tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thành phố Hải Phòng vào ngày 05 tháng 5 năm 2008 là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Thu H. Về con chung: Giao các con chung là Phạm Đình P, sinh ngày 23/6/2010 và Phạm Nam P, sinh ngày 30/5/2014 cho chị Trần Thị Thu H nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con chung chị H xin tự giải quyết với anh Việt nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết. Về tài sản chung: Chị H xin tự giải quyết với anh Việt, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời khai của đương sự tại phiên tòa, xét thấy:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Bị đơn anh PHV có hộ khẩu thường trú và có nơi cư trú cuối cùng ở thành phố Hải Phòng nhưng hiện đang sinh sống ở nước ngoài (Cộng hòa Liên bang Đức), nguyên đơn chị Trần Thị Thu H hiện nay đang sinh sống tại thành phố Hải Phòng, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Trần Thị Thu H và anh PHV đều vắng mặt, chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Việc tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho anh PHV: Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh PHV vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. **Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự**, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Tài liệu trong hồ sơ vụ án thể hiện: Chị Trần Thị Thu H và anh PHV xây dựng gia đình với nhau tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thành phố Hải Phòng vào ngày 05 tháng 5 năm 2008 theo quy định tại Điều 9, Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2010), đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống của vợ chồng thể hiện: Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được mấy năm đầu thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên xảy ra bất đồng trong cuộc sống. Vợ chồng đã cố gắng hòa hợp song mâu thuẫn vợ chồng ngày

càng trầm trọng. Mặt khác, chị H thường xuyên đi lại, sinh sống ở cả Việt Nam và Cộng hòa Séc, còn anh Việt sinh sống ở Cộng hòa liên bang Đức, chính vì sự xa cách về địa lý nên vợ chồng ít quan tâm đến nhau. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân với nhau được một khoảng thời gian dài, mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải song không đạt kết quả. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị H và anh Việt đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xử cho chị Trần Thị Thu H được ly hôn với anh PHV.

[4] Về con chung: Chị Trần Thị Thu H và anh PHV có hai con chung là: Phạm Đình P, sinh ngày 23/6/2010 và Phạm Nam P, sinh ngày 30/5/2014. Xét thấy, chị H, gia đình anh Việt đều có nguyện vọng để cho các con chung ở với chị H. Mặt khác, từ nhỏ các con chung ở với chị H, cháu Phạm Đình P có nguyện vọng ở với chị H, còn cháu Phạm Nam P còn nhỏ cần có sự chăm sóc của mẹ, anh Việt đang ở nước ngoài nên không có điều kiện chăm sóc các con chung. Do đó, cần giao con chung cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, phù hợp với quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H xin tự giải quyết với anh Việt, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị Trần Thị Thu H không yêu cầu Tòa án chia tài sản chung, chị xin tự giải quyết với anh PHV nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Thu H là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Thu H và anh PHV được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thu H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thu H được ly hôn anh PHV.

2. Về con chung: Giao các con chung là Phạm Đình P, sinh ngày 23/6/2010 và Phạm Nam P, sinh ngày 30/5/2014 cho chị Trần Thị Thu H nuôi dưỡng đến khi

đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Trần Thị Thu H không yêu cầu giải quyết, chị xin tự giải quyết với anh PHV nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị Trần Thị Thu H không yêu cầu Tòa án chia tài sản chung, chị xin tự giải quyết với anh PHV nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Thu H phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai số 0019240 ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Trần Thị Thu H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Thu H (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Anh PHV (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Văn Phích**





